TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nguyên

Bà Nguyễn Thị Hồng Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 642/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Tuấn S, sinh năm: 1977. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị M, sinh năm: 1975. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-8-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Tuấn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị M sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã (nay là thành phố) P vào ngày 28-8-1999. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông sống hạnh phúc đến năm 2021

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, bà M nhiều lần làm ăn gây nợ nần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc. Vợ chồng ông đã không sống chung từ lúc mâu thuẫn cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không còn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị M.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng ông có 02 con chung tên Lê Thị Uyên Nh, sinh ngày: 07-12-1999 và Lê Tuấn N, sinh ngày: 01-01-2004. Hiện các con ông đã trưởng thành, lao động tự túc được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thị M: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án luôn tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Lê Tuấn S đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Bùi Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Tuấn S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Bùi Thị M, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Lê Tuấn S có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Bùi Thị M đã được Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà M tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với lý do vợ chồng ông tính tình không hợp, bà M nhiều lần làm ăn gây ra nợ nần dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng ông đã không còn chung với nhau hơn 02 năm nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau nên ông xác định không còn tình cảm với bà M và mong muốn được ly hôn. Lời trình bày của ông phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương. Hơn nữa, bà M mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không đến Tòa làm việc và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của ông S. Chứng tỏ bà không thiết tha gì trong việc bảo vệ hạnh phúc gia đình của riêng mình, có thái độ bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà M đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Tuấn S.

[4] Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung tên Lê Thị Uyên Nh, sinh ngày: 07-12-1999 và Lê Tuấn N, sinh ngày: 01-01-2004 đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Lê Tuấn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tuấn S được ly hôn với bà Bùi Thị M.

2. Về án phí: Ông Lê Tuấn S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004430 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố

Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông Lê Tuấn S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường B;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trần Long